SỰ ĐỒNG Ý CỦA CHỦ THỂ DỮ LIỆU TRONG BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN: NHỮNG THÁCH THỨC PHÁP LÝ TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ

TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG
SV DƯƠNG HOÀNG PHƯỚC
SV MAI THANH BÌNH
SV CHÂU YẾN NHI
SV NGUYỄN THỊ CHÂU NHI
SV PHAN LÊ NHƯ QUỲNH
Trường Đại học Quy Nhơn

Nhận bài ngày 27/9/2026. Sửa chữa xong 19/10/2026. Duyệt đăng 24/10/2026.

Abstract

Consent is an important mechanism through which data subjects exercise control over the collection and processing of their personal data. In the digital environment, however, ensuring meaningful consent presents significant challenges. Data subjects are often confronted with large volumes of information, complex privacy policies, asymmetries between users and service providers, and interface designs that may influence their decision-making. Consequently, an affirmative act of consent does not necessarily demonstrate that data subjects have been provided with a genuine and informed choice regarding the processing of their personal data. By clarifying the role and legal conditions of consent, this article examines key challenges arising in the digital environment and assesses the corresponding provisions of Vietnam's 2025 Law on Personal Data Protection and Decree No. 356/2025/ND-CP. On this basis, the article proposes several directions for strengthening the voluntariness of consent, improving data subjects' access to and understanding of relevant information, and enhancing the accountability of entities involved in personal data processing in Vietnam.

Keywords: *Consent, data subject, digital environment, personal data, personal data protection, privacy.*

1. Đặt vấn đề

Trong môi trường số, dữ liệu cá nhân được thu thập và sử dụng ngày càng thường xuyên, dưới nhiều hình thức khác nhau. Việc sử dụng mạng xã hội, mua sắm trực tuyến, thanh toán, tìm kiếm thông tin hoặc cài đặt ứng dụng đều có thể gắn với hoạt động thu thập thông tin của người dùng và xử lý dữ liệu. Trên thực tế, có nhiều trường hợp, dữ liệu tiếp tục được lưu trữ, phân tích hoặc kết hợp với những nguồn khác sau thời điểm cá nhân trực tiếp cung cấp thông tin. Vì thế, khả năng người sử dụng dịch vụ theo dõi toàn bộ quá trình xử lý thông tin trở nên ngày càng khó khăn.

Sự đồng ý của chủ thể dữ liệu có vai trò quan trọng trong việc bảo đảm khả năng kiểm soát dữ liệu của cá nhân. Khi được cung cấp những thông tin cần thiết và có quyền lựa chọn có cho phép xử lý dữ liệu hay không, chủ thể dữ liệu có thể quyết định trong phạm vi nhất định cách thức thông tin liên quan đến mình được sử dụng. Pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân vì vậy đặt ra những điều kiện nhằm bảo đảm sự đồng ý được đưa ra một cách tự nguyện và trên cơ sở có đủ thông tin. Quy định bảo vệ dữ liệu chung của Liên minh châu Âu (GDPR) xác định sự đồng ý phải tự nguyện, cụ thể, có hiểu biết và không mơ hồ (European Parliament & Council of the European Union 2016, Article 4(11)). Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 của Việt Nam cũng quy định sự đồng ý chỉ có hiệu lực khi dựa trên sự tự nguyện và chủ thể dữ liệu biết rõ những thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động xử lý dữ liệu[1].

1) Khoản 2 Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025.

Email: tranthihienluong@qnu.edu.vn

Tuy nhiên, việc đáp ứng các yêu cầu này trong môi trường số không đơn giản. Người sử dụng dịch vụ thường phải tiếp nhận những chính sách quyền riêng tư dài, có nhiều nội dung kỹ thuật, trong khi quyết định có tiếp tục sử dụng dịch vụ hay không thường được đưa ra trong thời gian khá ngắn. Nhiều người chấp nhận chính sách quyền riêng tư và điều khoản sử dụng mà không đọc đầy đủ nội dung; trong khi nếu đọc tất cả các chính sách gặp phải trong quá trình sử dụng Internet thì phải mất khá nhiều thời gian (Obar, J. A., & Oeldorf-Hirsch, A., 2020; McDonald, A. M., & Cranor, L. F., 2008). Vì vậy, việc các nền tảng số cung cấp đầy đủ thông tin về mặt hình thức không đồng nghĩa với việc cá nhân người dùng có đủ khả năng tiếp nhận và đánh giá những thông tin đó trước khi đồng ý.

Tính tự nguyện của sự đồng ý còn có thể bị ảnh hưởng bởi cách thức thiết kế giao diện. Lựa chọn "đồng ý tất cả" có thể được hiển thị nổi bật, trong khi việc từ chối hoặc điều chỉnh phạm vi đồng ý đòi hỏi nhiều thao tác hơn. Trong trường hợp đó, người dùng vẫn trực tiếp thực hiện thao tác lựa chọn, nhưng quyết định của họ ít nhiều đã chịu ảnh hưởng từ cách thức giao diện được thiết kế.

Ở Việt Nam, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đã xác lập cơ sở pháp lý ở cấp luật cho hoạt động bảo vệ dữ liệu cá nhân. Luật quy định về sự đồng ý, quyền rút lại sự đồng ý và những trường hợp xử lý dữ liệu không cần sự đồng ý. Nghị định số 356/2025/NĐ-CP tiếp tục cụ thể hóa việc thực hiện một số quyền của chủ thể dữ liệu và trách nhiệm của các bên liên quan. Khuôn khổ pháp luật hiện hành đã có những quy định khá cụ thể về sự đồng ý, nhưng việc áp dụng trong những tình huống đặc thù của môi trường số vẫn đặt ra một số vấn đề cần xem xét.

Bài viết làm rõ điều kiện và vai trò của sự đồng ý; phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến tính tự nguyện và khả năng đưa ra quyết định trên cơ sở có đủ thông tin trong môi trường số; từ đó đánh giá pháp luật Việt Nam hiện hành và đề xuất một số định hướng trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Sự đồng ý của chủ thể dữ liệu và vai trò của sự đồng ý trong bảo vệ dữ liệu cá nhân

2.1.1. Khái niệm và các điều kiện của sự đồng ý

Trong pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, sự đồng ý của chủ thể dữ liệu thể hiện ý chí của cá nhân đối với việc dữ liệu liên quan đến mình được xử lý. Thông qua sự đồng ý, chủ thể dữ liệu có thể chấp nhận hoặc từ chối một hoạt động xử lý nhất định, qua đó thực hiện quyền kiểm soát đối với dữ liệu cá nhân của mình.

GDPR định nghĩa sự đồng ý là sự thể hiện ý chí tự nguyện, cụ thể, có hiểu biết và không mơ hồ của chủ thể dữ liệu, thông qua tuyên bố hoặc hành động xác nhận rõ ràng về việc chấp thuận xử lý dữ liệu cá nhân liên quan đến mình (European Parliament & Council of the European Union, 2016, Article 4(11)). Theo đó, sự đồng ý hợp lệ cần đáp ứng bốn yêu cầu cơ bản: tự nguyện, cụ thể, được đưa ra trên cơ sở có đủ thông tin và được thể hiện một cách rõ ràng, không mơ hồ.

Trước hết, sự đồng ý phải được đưa ra một cách tự nguyện. Chủ thể dữ liệu phải có khả năng lựa chọn thực tế, thay vì chỉ được trao một lựa chọn mang tính hình thức. Nếu việc từ chối hoặc rút lại sự đồng ý dẫn đến những bất lợi không hợp lý, tính tự nguyện của quyết định có thể bị ảnh hưởng. Vấn đề tương tự cũng đặt ra khi việc cung cấp dịch vụ bị gắn với yêu cầu đồng ý xử lý những dữ liệu không thực sự cần thiết cho việc thực hiện dịch vụ đó (European Data Protection Board, 2020, tr. 7-14; European Parliament & Council of the European Union, 2016, Article 7(4), Recitals 42–43).

Thứ hai, sự đồng ý phải cụ thể. Yêu cầu này gắn trực tiếp với mục đích xử lý dữ liệu. Chủ thể dữ liệu có thể chấp nhận cho sử dụng dữ liệu để thực hiện một giao dịch nhưng không đồng ý việc tiếp tục sử dụng dữ liệu cho quảng cáo hoặc chia sẻ với chủ thể khác. Nếu nhiều mục đích xử lý được gộp trong cùng một yêu cầu đồng ý, khả năng lựa chọn đối với từng hoạt động xử lý sẽ bị thu hẹp.

Thứ ba, sự đồng ý phải được đưa ra trên cơ sở chủ thể dữ liệu có đủ thông tin cần thiết. Cá nhân cần biết loại dữ liệu nào sẽ được xử lý, việc xử lý nhằm mục đích gì và chủ thể nào chịu trách nhiệm xử lý. Khả năng tiếp nhận thông tin còn liên quan đến ngôn ngữ, cách trình bày và thời điểm cung cấp. Một

chính sách quyền riêng tư có thể chứa đầy đủ các nội dung cần thiết nhưng vẫn khó tiếp cận nếu quá dài hoặc sử dụng nhiều thuật ngữ kỹ thuật.

Cuối cùng, sự đồng ý phải được thể hiện một cách rõ ràng, không mơ hồ. Ý chí chấp thuận phải được thể hiện thông qua tuyên bố hoặc hành động xác nhận đủ rõ để có thể xác định chủ thể dữ liệu thực sự đồng ý với hoạt động xử lý. Vì vậy, im lặng, không phản hồi không thể được suy diễn thành sự đồng ý.

Các yêu cầu trên cũng được thể hiện khá rõ trong pháp luật Việt Nam. Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 quy định sự đồng ý chỉ có hiệu lực khi dựa trên sự tự nguyện và chủ thể dữ liệu biết rõ loại dữ liệu được xử lý, mục đích xử lý, bên kiểm soát dữ liệu hoặc bên kiểm soát và xử lý dữ liệu, cùng các quyền và nghĩa vụ của mình. Sự đồng ý phải được thể hiện bằng phương thức rõ ràng, cụ thể và có thể kiểm chứng; được thực hiện theo từng mục đích; không được gắn với điều kiện bắt buộc phải đồng ý với mục đích khác và không coi im lặng hoặc không phản hồi là sự đồng ý (Quốc hội, 2025, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 9).

2.1.2. Vai trò của sự đồng ý trong cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân

Sự đồng ý cho phép chủ thể dữ liệu tham gia trực tiếp vào quyết định liên quan đến việc xử lý dữ liệu của mình. Thông qua quyền được thông tin và quyền lựa chọn, cá nhân có thể cân nhắc lợi ích của việc sử dụng dịch vụ với những rủi ro liên quan đến quyền riêng tư. Cách tiếp cận này thường được đặt trong mô hình "tự quản lý quyền riêng tư" (*privacy self-management*), theo đó cá nhân được trao các công cụ pháp lý để tự quyết định trong những giới hạn nhất định việc dữ liệu của mình được thu thập và sử dụng như thế nào (Solove, D. J., 2013).

Tuy nhiên, khả năng tự quản lý dữ liệu có những giới hạn trong môi trường số. Một cá nhân có thể sử dụng đồng thời nhiều nền tảng và dịch vụ với những chính sách xử lý dữ liệu khác nhau. Do đó, việc đọc, hiểu và đánh giá đầy đủ từng hoạt động xử lý khó thực hiện trên thực tế. Một số rủi ro còn chỉ xuất hiện sau khi dữ liệu được tích lũy, kết hợp hoặc sử dụng cho những mục đích mà chủ thể dữ liệu khó dự kiến tại thời điểm đồng ý (Solove, D. J., 2013).

Sự đồng ý cho phép cá nhân chấp thuận một hoạt động xử lý nhất định nhưng không làm mất đi trách nhiệm pháp lý của bên kiểm soát dữ liệu. Việc đã có sự đồng ý không cho phép dữ liệu được sử dụng ngoài mục đích đã xác định, cũng không loại trừ nghĩa vụ bảo đảm an toàn dữ liệu, minh bạch và tôn trọng các quyền khác của chủ thể dữ liệu.

Pháp luật Việt Nam cũng không xem sự đồng ý là căn cứ duy nhất của mọi hoạt động xử lý dữ liệu. Điều 19 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 quy định một số trường hợp dữ liệu cá nhân có thể được xử lý không cần sự đồng ý, như trường hợp cấp bách để bảo vệ tính mạng, sức khỏe hoặc quyền và lợi ích hợp pháp; thực hiện hoạt động của cơ quan nhà nước, hoạt động quản lý nhà nước; thực hiện thỏa thuận của chủ thể dữ liệu và một số trường hợp khác do pháp luật quy định (Quốc hội, 2025, khoản 1, khoản 2 Điều 19). Có thể thấy, sự đồng ý giữ vị trí quan trọng nhưng không bao quát toàn bộ cơ chế xử lý dữ liệu cá nhân. Pháp luật vừa dành cho chủ thể dữ liệu quyền lựa chọn trong những trường hợp nhất định, vừa xác định những căn cứ xử lý khác và duy trì trách nhiệm của các chủ thể tham gia xử lý dữ liệu.

2.2. Những thách thức đối với sự đồng ý của chủ thể dữ liệu trong môi trường số và vấn đề đặt ra cho pháp luật Việt Nam

2.2.1. Khả năng tiếp nhận thông tin và tính tự nguyện của sự đồng ý

Một trong những điều kiện của sự đồng ý hợp lệ là chủ thể dữ liệu phải có đủ thông tin cần thiết trước khi đưa ra quyết định. Trong môi trường số, yêu cầu này gặp khó khăn trước hết do quy mô và mức độ phức tạp của hoạt động xử lý dữ liệu.

Các dịch vụ trực tuyến có thể đồng thời thu thập nhiều loại dữ liệu, sử dụng công nghệ theo dõi, chia sẻ dữ liệu với bên thứ ba hoặc kết hợp dữ liệu từ nhiều nguồn. Muốn mô tả đầy đủ các hoạt động đó, chính sách quyền riêng tư thường phải chứa một lượng thông tin lớn; nhưng nếu thông tin được rút gọn quá mức, chủ thể dữ liệu lại có thể không biết đầy đủ phạm vi xử lý mà mình đang chấp thuận.

Khả năng tiếp nhận thông tin của người dùng vì vậy có giới hạn. Nhiều người chấp nhận chính sách quyền riêng tư và điều khoản sử dụng mà không đọc đầy đủ nội dung; việc đọc toàn bộ các chính sách gặp phải trong quá trình sử dụng Internet có thể đòi hỏi một lượng thời gian đáng kể (Obar, J. A., & Oeldorf-Hirsch, A., 2020; Obar, J. A., & Oeldorf-Hirsch, A., 2020). Tình trạng này không thể chỉ được giải thích bằng sự thiếu cẩn trọng của người dùng mà còn liên quan đến số lượng và độ phức tạp của các thông báo về xử lý dữ liệu.

Việc bên kiểm soát dữ liệu đã cung cấp thông tin chưa đồng nghĩa với việc chủ thể dữ liệu có điều kiện tiếp nhận và hiểu những nội dung cần thiết trước khi quyết định. Cách trình bày, mức độ dễ hiểu và thời điểm cung cấp thông tin cũng ảnh hưởng đến chất lượng của sự đồng ý. Một chính sách được đặt trong đường dẫn ít được chú ý hoặc sử dụng quá nhiều thuật ngữ kỹ thuật có thể đáp ứng yêu cầu công bố nhưng chưa chắc giúp người dùng đưa ra lựa chọn có cơ sở.

Pháp luật Việt Nam yêu cầu chủ thể dữ liệu phải "biết rõ" những thông tin cơ bản về hoạt động xử lý (Quốc hội, 2025, khoản 2 Điều 9). Quy định này đòi hỏi nhiều hơn việc bên kiểm soát dữ liệu chỉ chứng minh thông tin đã được công bố. Tuy nhiên, khi áp dụng vẫn cần làm rõ những nội dung phải được thể hiện trực tiếp tại thời điểm xin sự đồng ý và mức độ cụ thể của từng nội dung.

Trong đó, mục đích xử lý cần được mô tả đủ rõ. Những cách diễn đạt như "cải thiện trải nghiệm", "nâng cao chất lượng dịch vụ" hoặc "phục vụ nhu cầu khách hàng" có thể bao hàm nhiều hoạt động xử lý khác nhau. Nếu mục đích được xác định quá rộng, yêu cầu đồng ý theo từng mục đích sẽ khó bảo đảm khả năng lựa chọn của chủ thể dữ liệu.

Dữ liệu cũng có thể được kết hợp để suy luận những thông tin mà cá nhân không trực tiếp cung cấp. Khi mục đích xử lý thay đổi hoặc xuất hiện mục đích mới, sự đồng ý ban đầu không đương nhiên bao quát hoạt động xử lý tiếp theo nếu mục đích đó nằm ngoài phạm vi đã được thông báo.

Tính tự nguyện của sự đồng ý còn phụ thuộc vào vị thế của các bên. Trong nhiều dịch vụ số, người dùng phải lựa chọn giữa chấp nhận điều kiện xử lý dữ liệu và không tiếp tục sử dụng dịch vụ. Nếu dữ liệu thực sự cần thiết để cung cấp dịch vụ, điều kiện này có thể hợp lý. Trường hợp này cần được phân biệt với việc yêu cầu đồng ý cho xử lý dữ liệu phục vụ quảng cáo, phân tích hành vi hoặc những mục đích không cần thiết cho chức năng chính của dịch vụ.

GDPR yêu cầu khi đánh giá tính tự nguyện phải xem xét liệu việc cung cấp dịch vụ có bị đặt điều kiện vào sự đồng ý đối với hoạt động xử lý không cần thiết hay không (European Parliament & Council of the European Union, 2016, Article 7(4), Recital 43; European Data Protection Board, 2023, tr. 8-13). Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 cũng quy định sự đồng ý không được kèm theo điều kiện bắt buộc phải đồng ý với các mục đích khác với nội dung thỏa thuận (Quốc hội, 2025, điểm b khoản 4 Điều 9).

Khi áp dụng, cần phân biệt hoạt động xử lý cần thiết để thực hiện dịch vụ với hoạt động phục vụ lợi ích bổ sung của bên cung cấp. Chẳng hạn, dữ liệu vị trí có thể cần thiết để thực hiện một chuyến xe công nghệ, nhưng sử dụng lịch sử hành trình để xây dựng hồ sơ quảng cáo là một mục đích khác. Vì vậy, tính tự nguyện không nên được đánh giá chỉ dựa vào thao tác đồng ý mà còn phải xem xét điều kiện sử dụng dịch vụ và khả năng từ chối của người dùng.

2.2.2. Thiết kế giao diện và nguy cơ làm sai lệch sự lựa chọn

Trong môi trường số, sự đồng ý thường được thực hiện thông qua giao diện do bên cung cấp dịch vụ thiết kế. Cách bố trí lựa chọn, ngôn ngữ sử dụng, số bước thao tác và vị trí của thông tin đều có thể ảnh hưởng đến quyết định của người dùng.

Trong lĩnh vực bảo vệ dữ liệu, thuật ngữ *deceptive design patterns* được Ủy ban Bảo vệ dữ liệu châu Âu (European Data Protection Board – EDPB) sử dụng để chỉ những cách thiết kế giao diện hoặc trải nghiệm người dùng có khả năng ảnh hưởng bất lợi đến việc đưa ra quyết định liên quan đến dữ liệu cá nhân (European Data Protection Board, 2023). Thuật ngữ *dark patterns* cũng được sử dụng trong các nghiên cứu về thiết kế giao diện với nội hàm gần tương tự.

Những biểu hiện phổ biến gồm làm nổi bật lựa chọn đồng ý trong khi lựa chọn từ chối khó nhận biết; yêu cầu nhiều thao tác hơn để từ chối; đặt thông tin quan trọng ở vị trí khó tiếp cận; hoặc liên tục yêu cầu người dùng xem xét lại sau khi đã từ chối. Người dùng vẫn thực hiện thao tác lựa chọn, nhưng cách tổ chức giao diện có thể hướng họ đến một phương án nhất định.

Ảnh hưởng của giao diện đến hành vi người dùng tự nó chưa phải là căn cứ để kết luận sự đồng ý không hợp lệ. Điều cần xem xét là mức độ ảnh hưởng đó: liệu cách thiết kế có khiến người dùng khó nhận biết thông tin, khó từ chối hoặc bị định hướng đến mức tính tự nguyện của quyết định bị ảnh hưởng hay không. Các nghiên cứu về biểu mẫu đồng ý trực tuyến cho thấy một giao diện có thể đáp ứng yêu cầu hình thức về hành vi xác nhận nhưng vẫn tác động đáng kể đến cách người dùng đưa ra lựa chọn (Gray, C. M., Santos, C., Bielova, N., Toth, M., & Clifford, D., 2021).

Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 yêu cầu sự đồng ý phải được thể hiện rõ ràng, cụ thể và có thể kiểm chứng, qua đó loại trừ việc suy diễn sự đồng ý từ im lặng hoặc hành vi không rõ ràng. Tuy nhiên, quy định này chưa trực tiếp giải quyết trường hợp hành vi đồng ý được thể hiện rõ nhưng giao diện lại được tổ chức theo hướng khiến việc từ chối trở nên khó khăn hơn. Điều đó cho thấy hai vấn đề không hoàn toàn trùng nhau: một là hành vi đồng ý có được thể hiện rõ ràng hay không; hai là người dùng đã đưa ra lựa chọn đó trong những điều kiện nào.

Quyền rút lại sự đồng ý cũng liên quan đến cách thức thiết kế dịch vụ. Điều 10 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ghi nhận quyền yêu cầu rút lại sự đồng ý; Nghị định số 356/2025/NĐ-CP quy định bên kiểm soát dữ liệu hoặc bên kiểm soát và xử lý dữ liệu phải phản hồi yêu cầu trong thời hạn hai ngày làm việc và thực hiện trong thời hạn luật định (Quốc hội, 2025, Điều 10; Chính phủ, 2025, khoản 2 Điều 5). Tuy nhiên, khả năng thực hiện quyền trên thực tế còn phụ thuộc vào mức độ thuận tiện của quy trình.

GDPR quy định việc rút lại sự đồng ý phải dễ dàng như khi đưa ra sự đồng ý (European Parliament & Council of the European Union, 2016, Article 7(3)). Tiêu chuẩn này có thể được tham khảo trong quá trình áp dụng pháp luật Việt Nam. Khi sự đồng ý được thực hiện trực tuyến bằng một thao tác đơn giản, việc rút lại không nên bị thiết kế thành một quy trình phức tạp hoặc khó tiếp cận một cách không cần thiết.

2.2.3. Một số vấn đề đặt ra đối với pháp luật Việt Nam hiện hành

Pháp luật Việt Nam đã ghi nhận tương đối đầy đủ những điều kiện cơ bản của sự đồng ý. Khó khăn hiện nay chủ yếu nằm ở việc xác định các tiêu chuẩn này sẽ được áp dụng như thế nào trong những tình huống cụ thể của môi trường số.

Trước hết là yêu cầu chủ thể dữ liệu phải "biết rõ" thông tin về hoạt động xử lý. Việc một chính sách quyền riêng tư đã được công bố chưa cho thấy người dùng thực sự có điều kiện tiếp cận những nội dung quan trọng trước khi quyết định. Vì vậy, khi đánh giá yêu cầu này cần tính đến cả cách trình bày, ngôn ngữ, vị trí và thời điểm thông tin được cung cấp.

Một vấn đề khác liên quan đến yêu cầu đồng ý theo từng mục đích. Quy định này chỉ phát huy ý nghĩa khi bản thân mục đích xử lý được xác định đủ cụ thể. Nếu những cách diễn đạt có phạm vi rộng được sử dụng, nhiều hoạt động xử lý khác nhau vẫn có thể nằm trong cùng một yêu cầu đồng ý và khả năng lựa chọn của chủ thể dữ liệu theo đó bị thu hẹp.

Đối với thiết kế giao diện, pháp luật hiện hành chưa đưa ra những tiêu chí cụ thể để xác định khi nào cách bố trí lựa chọn hoặc cung cấp thông tin đã tác động đến tính tự nguyện của sự đồng ý. Các yêu cầu về tự nguyện, rõ ràng và cụ thể tại Điều 9 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân có thể được sử dụng làm căn cứ đánh giá, nhưng vẫn cần được cụ thể hóa trong quá trình áp dụng.

Cuối cùng là khả năng rút lại sự đồng ý trên thực tế. Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 356/2025/NĐ-CP yêu cầu bên kiểm soát dữ liệu, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu xây dựng quy trình, thủ tục và biểu mẫu rõ ràng để chủ thể dữ thực hiện quyền (Chính phủ, 2025, khoản 1 Điều 5). Quy định này tạo cơ sở pháp lý cần thiết, nhưng với các dịch vụ số, hiệu quả của quyền rút lại còn phụ thuộc vào việc người dùng có thể tìm thấy và thực hiện chức năng này một cách thuận tiện hay không.

2.3. Một số định hướng hoàn thiện pháp luật và cơ chế thực hiện sự đồng ý của chủ thể dữ liệu ở Việt Nam

Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 mới có hiệu lực từ đầu năm 2026 nên chưa có đủ thực tiễn để đánh giá toàn diện hiệu quả thi hành. Trong giai đoạn hiện nay, cần ưu tiên làm rõ cách thức áp dụng các tiêu chuẩn về sự đồng ý và bảo đảm các quyền đã được luật ghi nhận có thể thực hiện trên thực tế.

Thứ nhất, yêu cầu về sự đồng ý trên cơ sở có đủ thông tin cần được cụ thể hóa theo hướng chú trọng chất lượng thông tin thay vì số lượng thông tin được cung cấp. Những thông tin trực tiếp ảnh hưởng đến lựa chọn, như loại dữ liệu được xử lý, mục đích xử lý, chủ thể chịu trách nhiệm và quyền rút lại sự đồng ý, nên được trình bày rõ ràng và dễ tiếp cận tại thời điểm xin sự đồng ý.

Có thể tham khảo cách cung cấp thông tin theo nhiều lớp: trong đó những nội dung thiết yếu được trình bày trước, còn thông tin chi tiết được cung cấp ở lớp tiếp theo. Cách thức này vừa hạn chế tình trạng quá tải thông tin, vừa duy trì khả năng tiếp cận đầy đủ khi người dùng có nhu cầu tìm hiểu.

Thứ hai, đối với tính tự nguyện, vấn đề cần được làm rõ là mối quan hệ giữa sự đồng ý và điều kiện sử dụng dịch vụ. Nếu một loại dữ liệu thực sự cần thiết để thực hiện dịch vụ, việc yêu cầu cung cấp dữ liệu có cơ sở khác với trường hợp dữ liệu được xử lý cho quảng cáo, phân tích hành vi hoặc những lợi ích bổ sung của bên cung cấp. Với nhóm hoạt động thứ hai, người dùng cần có khả năng từ chối mà không bị mất quyền tiếp cận dịch vụ chính, nếu hoạt động xử lý đó không phải điều kiện cần thiết để cung cấp dịch vụ. Cách đánh giá này đặc biệt cần thiết trong những quan hệ mà người dùng có ít lựa chọn thay thế hoặc vị thế giữa các bên có sự chênh lệch đáng kể.

Thứ ba, thiết kế giao diện cũng cần được xem là một yếu tố có liên quan đến việc đánh giá sự đồng ý. Không phải mọi biện pháp thiết kế nhằm định hướng thao tác của người dùng đều cần bị hạn chế. Sự can thiệp của pháp luật nên tập trung vào những trường hợp cách thiết kế làm giảm đáng kể khả năng nhận biết thông tin, từ chối hoặc thay đổi lựa chọn, chẳng hạn che khuất phương án từ chối, tạo chênh lệch quá lớn về số bước thao tác hoặc liên tục yêu cầu đồng ý sau khi người dùng đã từ chối. Kinh nghiệm của EDPB về deceptive design patterns có thể được tham khảo khi cụ thể hóa các yêu cầu về tính tự nguyện, rõ ràng và cụ thể của sự đồng ý.

Thứ tư, cần bảo đảm quyền rút lại sự đồng ý được thực hiện thuận tiện. Khi sự đồng ý được đưa ra qua giao diện trực tuyến, việc rút lại hoặc thay đổi sự đồng ý cũng nên được thực hiện bằng phương thức trực tuyến dễ tiếp cận. Sự chênh lệch quá lớn giữa mức độ thuận tiện của việc đồng ý và việc rút lại có thể làm giảm ý nghĩa thực tế của quyền này.

Bên cạnh các vấn đề trên, cần tránh xem sự đồng ý như một thủ tục đủ để hợp pháp hóa toàn bộ quá trình xử lý dữ liệu. Ngay cả khi sự đồng ý đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện pháp lý, bên kiểm soát dữ liệu vẫn phải xử lý dữ liệu đúng mục đích, bảo đảm an toàn và tôn trọng các quyền khác của chủ thể dữ liệu. Cách tiếp cận này giúp duy trì đúng vai trò của sự đồng ý: trao cho cá nhân khả năng lựa chọn đối với hoạt động xử lý nhất định, chứ không chuyển toàn bộ trách nhiệm bảo vệ dữ liệu từ bên xử lý sang cho cá nhân.

3. Kết luận

Sự đồng ý của chủ thể dữ liệu là một trong những cơ chế giúp cá nhân kiểm soát việc dữ liệu liên quan đến mình được xử lý như thế nào. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 đã xác định tương đối rõ các điều kiện về tính tự nguyện, tính cụ thể, yêu cầu cung cấp thông tin và cách thức thể hiện sự đồng ý. Tuy nhiên, trong môi trường số, việc đáp ứng các điều kiện này không chỉ phụ thuộc vào nội dung quy định pháp luật mà còn chịu ảnh hưởng từ cách thức dịch vụ được tổ chức và cách người dùng thực tế đưa ra lựa chọn. Những khó khăn về tiếp nhận thông tin, sự chênh lệch vị thế giữa các bên, thiết kế giao diện và khả năng rút lại sự đồng ý cho thấy việc thực hiện các quy định mới cần được tiếp tục theo dõi và cụ thể hóa. Trong quá trình đó, điều quan trọng là duy trì đúng giới hạn của sự đồng ý: đây là cơ chế bảo đảm quyền lựa chọn của chủ thể dữ liệu đối với những hoạt động xử lý nhất định, nhưng không thay thế trách nhiệm của bên kiểm soát và các chủ thể khác trong toàn bộ quá trình xử lý dữ liệu.

Tài liệu tham khảo

Chính phủ (2025). *Nghị định số 356/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân*.

European Data Protection Board (2020). *Guidelines 05/2020 on consent under Regulation 2016/679* (Version 1.1).

European Data Protection Board (2023). *Guidelines 03/2022 on deceptive design patterns in social media platform interfaces: How to recognise and avoid them* (Version 2.0).

European Parliament & Council of the European Union (2016). Regulation (EU) 2016/679 of the European Parliament and of the Council of 27 April 2016 (General Data Protection Regulation). *Official Journal of the European Union, L 119*, 1–88.

Gray, C. M., Santos, C., Bielova, N., Toth, M., & Clifford, D. (2021). Dark patterns and the legal requirements of consent banners: An interaction criticism perspective. *Proceedings of the 2021 CHI Conference on Human Factors in Computing Systems*, 1–18.

McDonald, A. M., & Cranor, L. F. (2008). The cost of reading privacy policies. *I/S: A Journal of Law and Policy for the Information Society, 4*(3), 543–568.

Obar, J. A., & Oeldorf-Hirsch, A. (2020). The biggest lie on the Internet: Ignoring the privacy policies and terms of service policies of social networking services. *Information, Communication & Society, 23*(1), 128–147.

Quốc hội (2025). *Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân*. Luật số 91/2025/QH15 ngày 26/6/2025.

Solove, D. J. (2013). Privacy self-management and the consent dilemma. *Harvard Law Review, 126*(7), 1880–1903.

Trzaskowski, J. (2024). Manipulation by design. *Electronic Markets, 34*, Article 14.

ĐỀ XUẤT PHÂN LOẠI TỘI PHẠM VÀ NGƯỠNG ÁP DỤNG...

Tiếp theo trang 284

6. Kết luận

Giám sát điện tử là công cụ hỗ trợ quản lý người phạm tội tại cộng đồng, cần được áp dụng theo nhóm tội, mức độ rủi ro và vị trí pháp lý. Bài viết đề xuất áp dụng RF cho nhóm rủi ro thấp, GPS cho nhóm rủi ro cao, kèm các bảo đảm về dữ liệu, thẩm quyền và kiểm sát tư pháp. Đồng thời, đề xuất hoàn thiện Luật Thi hành án hình sự, áp dụng GSĐT như nghĩa vụ kèm theo biện pháp hình sự, nghiên cứu thay thế tạm giam đối với người thành niên và tăng cường bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Tài liệu tham khảo

Báo điện tử Chính phủ (2025). *Dự kiến các trường hợp có thể áp dụng biện pháp giám sát điện tử*. https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/du-kien-cac-truong-hop-co-the-ap-dung-bien-phap-giam-sat-dien-tu-119250906084843619.htm.

Hải Nam (2025). *Bộ Công an đề xuất giám sát điện tử với người hưởng án treo*. https://dantri.com.vn/phap-luat/bo-cong-an-de-xuat-giam-sat-dien-tu-voi-nguoi-huong-an-treo-20250409221059271.htm.

Hoàng Thị Bích Ngọc, Hoàng Thị Thanh Huyền, Nguyễn Ngọc Huyền, Nguyễn Đắc Quang (2026). Giám sát điện tử trong thi hành án hình sự: Kinh nghiệm quốc tế và gợi mở đối với Việt Nam. *Khoa học Kiểm sát*. số 05. tr.31,33,34.

Huỳnh Thơ (2026). *Áp dụng giám sát điện tử với người nghiện ma túy từ 1-7-2026*. https://tuoitre.vn/plo/ap-dung-giam-sat-dien-tu-voi-nguoi-nghien-ma-tuy-tu-1-7-2026-109889821.htm.

Belur và các cộng sự (2020). *A systematic review of the effectiveness of the electronic monitoring of offenders*. https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S004723522030026X.

Council of Europe (2014). *CM/Rec(2014)4 - Recommendation of the Committee of Ministers to member States on electronic monitoring (Adopted by the Committee of Ministers on 19 February 2014, at the 1192nd meeting of the Ministers› Deputies)*. https://search.coe.int/cm#{%22CoEIdentifier%22:[%2209000016805c64a7%22],%22sort%22:[%22CoEValidationDate%20Descending%22]}.

Council of Europe (2015). *Handbook for professionals responsible for the establishment and the use of Electronic Monitoring*. https://rm.coe.int/handbook-standards-ethics-in-electronic-monitoring-eng/16806ab9b0.

Heaton (2016). *GPS monitoring practices in community supervision and the potential impact of advanced analytics*. https://www.ojp.gov/pdffiles1/nij/grants/249888.pdf.

Ministry of Justice (2023). *Ministry of Justice (n.d.), Sentencing Bill factsheet: Home detention curfew*. https://www.gov.uk/government/publications/sentencing-bill-2023/sentencing-bill-factsheet-home-detention-curfew-hdc.

Stephen V. Gies và các cộng sự (2012). *Monitoring high-risk sex offenders with GPS technology: An evaluation of the California supervision program, final report*. https://www.ojp.gov/pdffiles1/nij/grants/238481.pdf.

UK Parliament (2020). *Sentencing Act 2020 (U.K.), Schedule 9, Part 5*. https://www.legislation.gov.uk/ukpga/2020/17/schedule/9/part/5.

UK Statutory Instruments (2024). *The Home Detention Curfew and Requisite and Minimum Custodial Periods (Amendment) Order 2024, SI 2024/1331*. https://www.legislation.gov.uk/uksi/2024/1331.

대한민국 국회. (2020). 전자장치 부착 등에 관한 법률. https://www.law.go.kr/LSW/lsInfoP.do?lsiSeq=213819#0000.